

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số: 205 /BC-CLM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN
NĂM 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 39424634 - Số fax: 024 39422350
- Website: www.coalimex.vn
- Mã cổ phiếu: CLM
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng),

+ Ngày 01/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex), trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% giữ cổ phần chi phối.

+ Ngày 14/01/2005, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần;

+ Ngày 25/01/2005, Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588;

+ Ngày 06/11/2008, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK-GCN;

+ Ngày 26/12/2008, Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định tăng vốn điều lệ lên thành 110 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Ngày 19/01/2016, Sở GDCKHN chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Quyết định 31/QĐ-SGDCKHN; Ngày 15/04/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở GDCKHN.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm); hàng hoá công nghiệp nhẹ và hàng hoá tiêu dùng; đồ dùng, rượu, bia các loại (không bao gồm kinh doanh quán bar); thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến; thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu cát đã qua chế biến;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

- Nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than;

- Ô tô và xe có động cơ khác: Kinh doanh thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại;

- Kim loại và quặng kim loại: Kinh doanh khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);

- Đồ uống: Kinh doanh đồ dùng, rượu, bia các loại;

- Sản phẩm thuốc lá, thuốc lào: Kinh doanh thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến;

- Thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Kinh doanh thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn du học nước ngoài;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy móc, và ký gửi hàng hoá;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Dịch vụ vận tải hàng hoá;

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động xuất khẩu lao động;

- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo, giáo dục, định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Sản xuất than cốc: Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;

- Phá dỡ: San lấp mặt bằng;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi;

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Kinh doanh các mặt hàng nông sản;

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thuỷ hải sản;

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh Nitrat Amôn hàm lượng cao;

- Thoát nước và xử lý nước thải;

- Thu gom rác thải không độc hại;

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

b) Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát:

- Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên

- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên

- Giám đốc Công ty.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

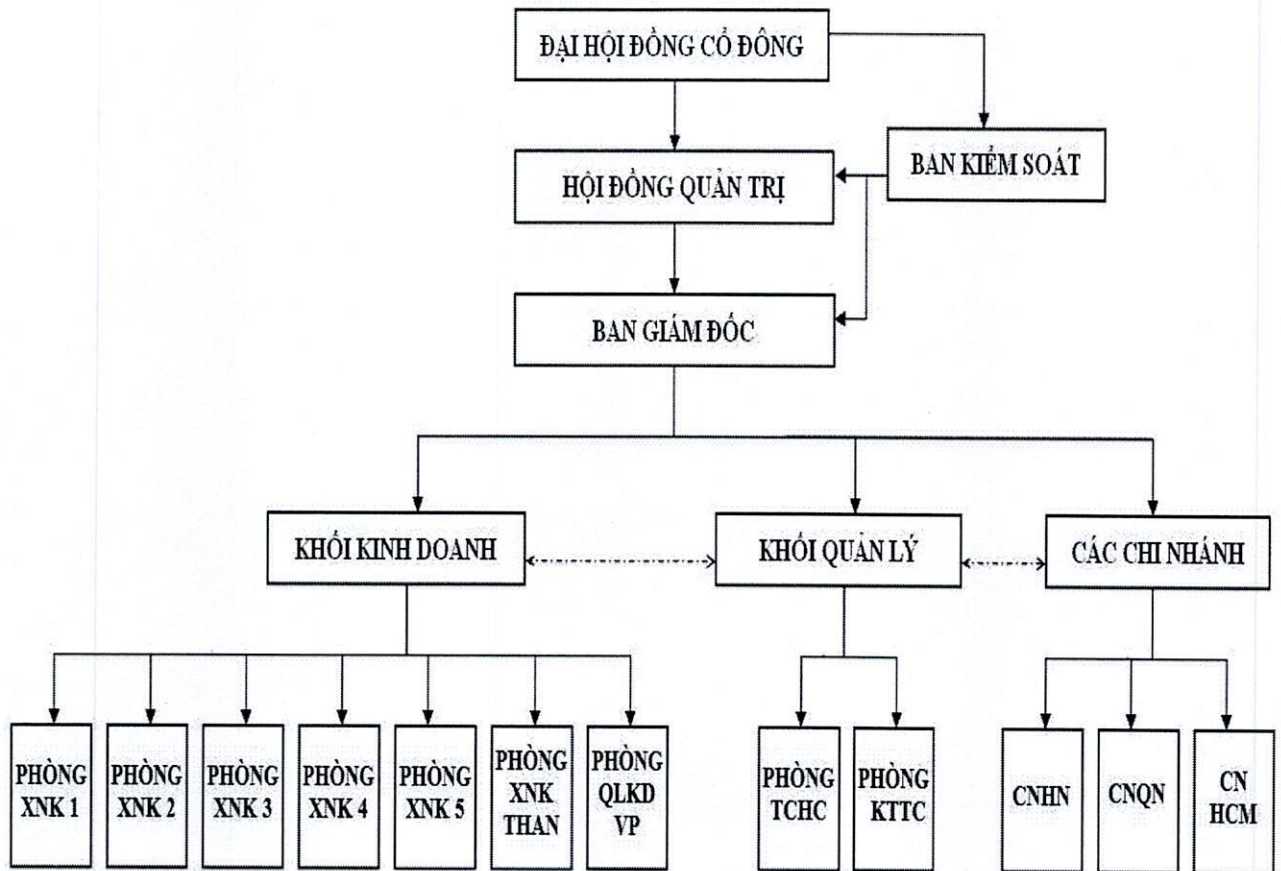
- Ban giám đốc;

- Các phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;

- Các phòng Quản lý;

- 03 Chi nhánh trực thuộc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY COALIMEX



c) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Định hướng của Công ty đảm bảo an toàn, đổi mới nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả;
- Phát triển Công ty lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng;
- Kinh doanh đa ngành nghề;
- Không ngừng tăng vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;

5. Các rủi ro:

Quản lý rủi ro là trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo điều hành và tất cả cán bộ, nhân viên trong Công ty. Đảm bảo nhận diện, đánh giá, phân tích, xác định mức độ và xử lý rủi ro trước khi đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác quản lý, tác nghiệp và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Quản lý rủi ro được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro có thể, cân bằng và hài hòa giữa rủi ro chấp nhận được và lợi ích của Công ty. Chú trọng quản lý rủi ro những vấn đề không chắc chắn, có dự tính đến sự không chắc chắn, bản chất của sự không chắc chắn và cách thức giải quyết.

Quản lý rủi ro là yếu tố không thể thiếu và tách rời trong quá trình quản lý hoạt động của Công ty, được tích hợp và gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển, gắn với các hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống quản trị nội bộ của Công ty. Các hoạt động này bao gồm/nhưng không giới hạn ở việc xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, xây dựng các quy chế, quy định, quy trình, quyết định quản lý nội bộ liên quan đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Khung quản lý rủi ro của Công ty được xây dựng trên cơ sở định hướng của TKV, phù hợp với cơ chế quản trị nội bộ của Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật.

Quản lý rủi ro được thực hiện một cách hệ thống, minh bạch, thường xuyên, liên tục và toàn diện, lặp đi lặp lại, phù hợp với bối cảnh bên trong và bên ngoài, có tính đến yếu tố con người và văn hóa, cũng như đặc trưng của rủi ro.

Lựa chọn chấp nhận rủi ro là biện pháp cuối cùng sau khi đã thực hiện các biện pháp khác nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro.

Các nội dung quản lý rủi ro trong từng lĩnh vực quản lý khi thực hiện quản lý rủi ro phải được chia nhỏ tối đa để quản lý theo chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, đơn vị trực thuộc và theo phân cấp quản lý.

Việc quản lý và phòng ngừa rủi ro trong Công ty về nguyên tắc được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực như sau: Quản lý rủi ro về chiến lược phát triển; Quản lý rủi ro về tài chính; Quản lý rủi ro về hoạt động sản xuất kinh doanh; Quản lý rủi ro về tuân thủ; Cụ thể:

a) “Rủi ro chiến lược”: Là các rủi ro xuất phát từ các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ của doanh nghiệp như: việc lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực, các giải pháp thực hiện; tái cơ cấu tổ chức (hợp nhất, sáp nhập, mua lại, thoái vốn, tổ chức lại sản xuất...); môi trường, thị trường kinh doanh và các bên liên quan như khách hàng, đối thủ, nhà đầu tư; truyền thông và quan hệ với các bên liên quan.

b) “Rủi ro hoạt động”: Là các rủi ro tới từ hệ thống, cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định, quy trình; việc sử dụng các nguồn lực, nhân lực, công nghệ thông tin, đất đai, nhà xưởng, thiết bị... trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp hay do ảnh hưởng của các sự kiện bên ngoài.

c) “Rủi ro tuân thủ”: Là các rủi ro có liên quan tới việc chấp hành các quy chế, quy định của doanh nghiệp; các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; các vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng/cam kết/thỏa thuận.

d) “Rủi ro tài chính”: Là các rủi ro bắt nguồn từ các giao dịch có tính chất tài chính, bao gồm việc mua, bán, các khoản đầu tư, vay và cho vay hay các hoạt động

kinh doanh tài chính khác (như rủi ro về lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa, thuê, cấu trúc vốn, tính thanh khoản, tín dụng, thị trường...).

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện, phân tích kiểm soát rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro tài chính sau:

- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

+ Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

+ Rủi ro ngoại tệ: Là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

+ Rủi ro về giá cổ phiếu: Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

- Rủi ro về tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

+ Phải thu khách hàng: Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các

khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

+ Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh trong Báo cáo tài chính năm. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2022

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng than xuất khẩu	1000 Tấn	300	238	79%
	Sản lượng than nhập khẩu	1000 Tấn	1.500	2.047	136%
2	Tổng kim ngạch XNK	USD	192.500.000	490.570.769	255%
3	Tổng doanh thu	Tr. VND	5.500.000	12.277.541	241%
4	Giá trị sản xuất	Tr. VND	155.000	621.864	401%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VND	36.000	425.475	1.182%
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	18,740	23,298	124%

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Phạm Minh	33.968	0,31
2	Nguyễn Thùy Dương	0	0
3	Lê Thị Thu Trang	76.608	0,70
4	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	7.200	0,07

b) Lý lịch trích ngang:

- Ông Phạm Minh – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty:

1. Họ và tên: **PHẠM MINH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 18/06/1977

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

6. Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị.

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Quyền trưởng phòng

08/2010 – 04/2015 04/2015 – 8/2016	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng Phó Giám đốc Công ty
09/2016 - 07/2022	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị
08/2022 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó giám đốc Công ty:

- Họ và tên: **NGUYỄN THÙY DƯƠNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/6/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 – 10/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
11/2003 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng
03/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Lê Thị Thu Trang – Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/07/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
12/2009 - 15/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng Công ty
16/12/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân – Trưởng phòng Kế toán tài chính, phụ trách công tác kế toán của Công ty

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 09/07/1976

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

6. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng Kế toán tài chính

7. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

8. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1998 - 10/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
10/2006 – 14/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó trưởng phòng
15/12/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng

- Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động bình quân: 153,67 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng, nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý lao động tiền lương và trả lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ hưu trí, bảo hiểm xã hội, trợ cấp...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2022, Công ty không thực hiện đầu tư tài sản, dự án mới.

Đảm bảo khai thác tốt tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 29-31 Đinh Bộ Lĩnh thành phố Hồ Chí Minh và 33 Tràng Thi, Hà Nội. Đến hết năm 2022, tòa nhà ở 29 -31 Đinh Bộ Lĩnh cho thuê được gần 81,11% và tòa nhà ở 33 Tràng Thi cho thuê được 99,9% tổng diện tích sàn cho thuê.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng) (*)	Năm 2022 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	788.478.164.932	955.775.738.367	+ 21%
Doanh thu thuần	2.678.653.426.642	13.227.263.649.453	+ 394%
Lợi nhuận từ HĐKD	43.432.490.427	426.197.370.026	+ 881%
Lợi nhuận khác	(499.111.158)	(722.647.291)	+ 45%
Lợi nhuận trước thuế	42.933.379.269	425.474.722.735	+ 891%
Lợi nhuận sau thuế	30.563.906.346	338.834.241.090	+1009%
Tỷ lệ trả cổ tức	20%	Tối thiểu 9%	

(*) Số liệu năm 2021 điều chỉnh theo kiến nghị KTNN

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021: 110 tỷ đồng

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2022: 110 tỷ đồng

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,19 lần	1,99 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,86 lần	0,47 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,47	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,00	0,88	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	8,94 lần	28,61 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,40 lần	13,84 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,14 %	2,56 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,38 %	67,95 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,88 %	35,45 %	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,62 %	3,22 %	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 11.000.000 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức: dự kiến tối thiểu 9%% mệnh giá.

b) Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/03/2023):

- Cổ đông tổ chức: 01 tổ chức
- Cổ đông cá nhân: 173 người

- Cổ đông Doanh nghiệp Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

+ Tổng vốn góp: 60.953.480.000 đồng

+ Tỷ lệ: 55,41% VDL

- Cổ đông khác: 173 người

+ Tổng số vốn góp: 49.046.520.000 đồng

+ Tỷ lệ: 44,59% VDL

- Cổ đông lớn:

+ Cổ đông tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 5700100256

+ Cổ đông cá nhân: 01 người

- Cổ đông nước ngoài: Không

- Cổ đông trong nước: 174 cổ đông.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 153,67 người; mức lương trung bình 23,298 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm, tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ, đi nghỉ mát, điều dưỡng để phục hồi sức khỏe. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động. Tổ chức tiêm phòng Covid-19 cho 100% CBCNV đủ điều kiện; cấp phát thuốc, test nhanh cho người lao động phòng chống Covid-19 hiệu quả.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do Tập đoàn TKV cũng như các đơn vị có liên quan tổ chức. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia học đại học, thạc sỹ ngoài giờ hành chính.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Thường xuyên hưởng ứng các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện, khó khăn do lũ lụt, dịch bệnh, quỹ vắc xin phòng chống Covid-19... do Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hà Nội, TKV và các địa phương khác phát động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất:

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch. Mặc dù dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, Coalimex vẫn ghi nhận kết quả SXKD tốt với tổng doanh thu đạt 13.277,54 tỷ đồng bằng 241% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế (sau kiểm toán) đạt 425,48 tỷ đồng bằng 1.182% so với kế hoạch. Đây là kết quả thể hiện sự linh hoạt, thích ứng kịp thời, phù hợp với bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn của lãnh đạo Công ty và sự quyết tâm phấn đấu vượt khó của toàn thể CBCNV Công ty.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính lành mạnh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022: 955.775.738.367 đồng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện tốt công tác xuất nhập khẩu than, chế biến kinh doanh, giao nhận than theo sự phân công, chỉ đạo của TKV và tình hình thị trường trong và ngoài nước đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn vốn.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh phấn đấu tăng trưởng về giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển trên các lĩnh vực đảm bảo cả số lượng, chất lượng và mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Giữ vững và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nhập khẩu phục vụ ngành công nghiệp than – khoáng sản, mở rộng hoạt động kinh doanh một cách chọn lọc với các đối tác ngoài ngành than.

- Tiếp tục sắp xếp và đổi mới hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Tối ưu hóa chi phí, tăng giá trị lâu dài cho Công ty.

- Xây dựng và phát triển các nhân tố mới phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển của Công ty;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; Bảo toàn và phát triển vốn. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

2. Về hoạt động của Ban giám đốc

- Ban giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022.

- Đề xuất kịp thời, sát với thực tiễn giúp Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng và quyết định chính xác, nhanh nhạy trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám đốc Công ty và những người được ủy quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, không để xảy ra thiệt hại về kinh tế.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện đúng quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT ghi trong Điều lệ Công ty. Đảm bảo việc ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác bảo toàn và phát triển vốn thực hiện tốt.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Trọng Hùng	- Đại diện quản lý vốn của TKV tại Công ty: 6.953.480 - Cá nhân sở hữu: 10.000	55,41 0,09
2	Nguyễn Mạnh Điệp	13.559	0,12
3	Trần Xuân Hòa	59.744	0,54
4	Phạm Minh	33.968	0,31
5	Nguyễn Văn Cứ	501.673	4,56

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2022, HĐQT có 18 cuộc họp và đã ban hành 35 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Về công tác cán bộ: Thống nhất chủ trương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, sắp xếp, điều chuyển cán bộ... đối với các cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT: Giám đốc, trưởng các đơn vị thuộc Công ty.

- Phê duyệt giao cho Giám đốc Công ty tổ chức mở, thực hiện một số gói thầu thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Thống nhất với dự thảo các quy chế, quy định của Công ty: Quy chế tài chính của Công ty; Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ của Công ty; Quy chế huy động vốn, sử dụng vốn và các sản phẩm tài chính của Công ty; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty; Quy định quản lý kho hàng hóa của Công ty để ban hành; Quy chế mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

- Phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn năm 2022; Thống nhất định mức tín dụng ngắn hạn và chỉ tiêu hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu năm 2022 của Công ty.

- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động và Cán bộ quản lý Công ty năm 2021.

- Thống nhất Chương trình tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Thống nhất với việc chi thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2021; Điều chỉnh tiền thưởng Ban QLĐH năm 2021; Tạm chi thưởng Ban quản lý điều hành công ty năm 2022.

- Thống nhất với kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Phúc lợi của Công ty năm 2022.

- Thống nhất kế hoạch quy hoạch cấp ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy và quy hoạch cán bộ Công ty giao đoạn 2025-2030 và rà soát, điều chỉnh danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo 2020 – 2025 của Công ty.

- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

- Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (ông Phạm Minh- Giám đốc Công ty).

- Sử dụng thang, bảng lương của TKV.

- Kiểm điểm, đánh giá cán bộ năm 2022.

- Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 điều chỉnh.

- Một số nội dung khác.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Thị Lan Anh	4.242	0,04
2	Bùi Thị Minh Thư	52.515	0,48
3	Nguyễn Thị Hồng Diệp	11.725	0,11

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ

- Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp, đánh giá công tác tổ chức kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của Ban; số lượng thành viên tham gia đầy đủ, các cuộc họp đều có biên bản và đảm bảo tính thống nhất cao.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; giám sát các hoạt động của HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT các quy chế qui định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

- Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành phối hợp kinh doanh hàng năm giữa Công ty và Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.

- Hằng quý, 6 tháng và cả năm, BKS thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, để đánh giá các mặt hoạt động của Công ty theo quy định;

- Tham gia ý kiến việc xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế của Công ty.

- Công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban giám đốc và BKS:

a) Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích:

- Thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc chuyên trách hưởng lương; trong đó 01 thành viên HĐQT độc lập.

- Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

- Chi phí thù lao năm 2022:

+ Chi phí phụ cấp kế hoạch cả năm của HĐQT và BKS là: 396.390.000 đồng, trong đó đã thực hiện chi trong năm 2022: 317.088.000 đồng.

+ Tiền lương chuyên trách của 05 Cán bộ quản lý Công ty (Ban giám đốc và Trưởng ban kiểm soát) = 1,921 tỷ đồng.

+ Tiền lương của thành viên HĐQT độc lập: 21,9 triệu đồng.

Toàn bộ chi phí trên được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty.

b) Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ năm 2022:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	0	10.000	0,09%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng	Ghi chú
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100262; đăng ký lần đầu ngày 12/7/210, thay đổi lần thứ ba ngày 13/3/2019	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	Năm 2022	- Than xuất khẩu: 238.488,28 tấn; trị giá 82.208.425,42 USD; - Than mua nội địa: 1.178.246,53 tấn; trị giá 2.945.416.030.722VNĐ; - Than chế biến pha trộn: 815.615,54 tấn; trị giá 2.604.881.703.367 VNĐ	Thực hiện theo Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 giữa TKV và Công ty

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện đúng theo các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty: www.coalimex.vn.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- HĐQT, BKS (b/c);
- P.KTTC, KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ✓

